TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 13/5/2024
"Tranh chấp về chia thừa kế theo pháp luật".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Th ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Th ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị PH Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về chia thừa kế theo pháp luật"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lục Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (có mặt);

2. Bị đơn:

- Anh Lục Văn T, sinh năm 2004; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (vắng mặt);

- Chị Lục Thị Anh Th, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V, (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lục Thị H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V;

+ Chị Lục Thị Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V;

+ Anh Lục Văn C, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V;

+ Anh Đỗ Đình H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ, anh H2, chị H1, anh C: Chị Lục Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2023, ngày 21/12/2023 và ngày 28/02/2024), (có mặt)

+ Chị Hà Thị M, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2023; các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lục Thị H (cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị H1, chị Đ, anh C, anh H2) trình bày:

Bố, mẹ đẻ của chị tên là Lục Phẩm H3(chết năm 1997) và Hà Thị N (chết năm 2012). Trước khi 2 cụ mất không để lại di chúc. Hai cụ sinh được 05 người con là: Lục Phẩm Ch (đã chết năm 2016, có vợ là Hà Thị M, 2 con là Lục Thị Anh Th, Lục Văn T); Lục Thị H, Lục Thị H1, Lục Thị Đ, Lục Văn C.

Khi còn sống ông H3 và bà N tạo lập được tài sản là 2 thửa đất có diện tích 1209m^2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1998, mang tên bà Hà Thị N, trong đó: Thửa 196, tờ bản đồ số 43, diện tích là 264m^2 (loại đất ở); thửa 121, tờ bản đồ số 61, diện tích là 945m^2 (loại đất cây lâu năm). Năm 2011, bà Hà Thị N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hà Công L tại thửa 121, tờ bản đồ số 61, diện tích là 250m^2. Năm 2012, bà Hà Thị N tặng cho anh Lục Văn C thửa 196, tờ bản đồ số 43, diện tích 264m^2.

Di sản của bố mẹ chị để lại là thửa 121, tờ bản đổ số 61, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 695m^2 (diện tích đất thực tế là 1250.4m^2). Nguồn gốc

thửa đất là do ông cha để lại. Bố mẹ chị cùng các anh chị em của chị sinh ra và lớn lên ở trên thửa đất đó cho đến năm 1997 bố chị mất, mẹ chị quản lý cho đến năm 2012 mẹ chị mất thì chị cùng anh Ch, chị H1, chị Đ quản lý, sử dụng. Năm 2018, các anh chị em của chị có thỏa thuận với nhau về việc chia di sản là thửa đất nêu trên, nhưng khi làm thủ tục chia tách thửa đất thì anh T, chị Th (con của anh Ch – chị M) không đồng ý. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 3 gian, 01 gian bếp, sân gạch do vợ chồng anh Ch – chị M làm; 01 giếng nước do ông H3 và bà N đào; 01 ngôi nhà dạng nhà ống do chị Lục Thị H1 làm và 01 ngôi nhà 3 tầng, tường rào, giếng nước do vợ chồng chị Lục Thị Đ- anh Đỗ Đình H2 làm.

Nay chị yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H3, bà N theo diện tích thực tế theo quy định của pháp luật cho anh chị em của chị thành 4 phần gồm: chị, chị H1, chị Đ, anh Ch (chị M, chị Th, anh T), chia bằng đất theo vị trí, diện tích đã thỏa thuận từ năm 2018, ai được sử dụng diện tích nhiều hơn không phải thanh toán giá trị chênh lệch, cụ thể: Chia cho chị sử dụng 186.8m^2 (phần đất giáp phần đất chia cho anh Ch và chị H1); chia cho anh Ch (chị M, anh T, chị Th) 530.1m^2 phần đất giáp phần đất chia cho chị; chia cho chị H1 170.5m^2 phần đất giáp phần đất chia cho chị và chị Đ; chia cho chị Đ 292.6m^2 phần đất giáp phần đất chia cho chị H1 và phần đất còn lại làm lối đi chung là 70.4m^2. Chị Đ, chị H1 nhất trí treo quan điểm của chị, còn anh C từ chối nhận di sản thừa kế. Đối với 01 giếng nước do ông H3 và bà N đào, chị, chị H1, chị Đ nhất trí để cho vợ, con anh Ch sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lục Thị Anh Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2013, chị Th trình bày: Về mối quan hệ gia đình như chị H trình bày là đúng. Chị là con gái của anh Lục Phẩm Ch và chị Hà Thị M. Anh Lục Phẩm Ch là con của ông Lục Phẩm H3 và bà Hà Thị N. Bố chị mất năm 2016, còn ông H3, bà N mất năm nào chị không nhớ rõ.

Về di sản thừa kế mà ông H3, bà N để lại như chị H trình bày nêu trên là đúng và trong thời gian chị ở cùng bố mẹ chị thì chị có thấy bà nội chị (bà N) có chia đất cho các con theo hiện trạng ở như hiện nay (chia năm nào chị không nhớ rõ). Đến năm 2019, chị lấy chồng về xã Xuân Hòa ở. Quá trình chị ở trên đất cùng em chị là Lục Văn T thì chị em chị không có công sức tôn tạo thửa đất. Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H3, bà N để lại theo pháp luật, chị đồng ý chia theo hiện trạng mà bà N đã chia trước đây. Phần thừa kế chị được hưởng chị để lại toàn bộ cho anh Lục Văn T và không yêu cầu anh T phải thanh toán gì cho chị.

Bị đơn anh Lục Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023, anh T trình bày: Về mối quan hệ gia đình như chị H trình bày là đúng. Anh là con trai của anh Lục Phẩm Ch và chị Hà Thị M. Anh Lục Phẩm Ch là con của ông Lục Phẩm H3và bà Hà Thị N. Bố anh mất năm 2016, còn ông H3, bà N mất năm nào anh không nhớ rõ.

Về di sản thừa kế mà ông H3, bà N để lại như chị H trình bày nêu trên là đúng và trong thời gian anh ở cùng bố mẹ anh thì anh có thấy bà nội anh (bà N) có chia đất cho các con theo hiện trạng ở như hiện nay (chia năm nào anh không nhớ rõ). Anh ở trên thửa đất nêu trên từ nhỏ cho đến nay và quá trình ở trên đất anh không có công sức tôn tạo thửa đất. Các tài sản trên đất như chị H trình bày nêu trên là đúng. Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H3, bà N để lại theo pháp luật, anh đồng ý chia theo hiện trạng mà bà N đã chia trước đây.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023, chị H trình bày: Về mối quan hệ gia đình như chị H trình bày nêu trên là đúng. Chị kết hôn với anh Lục Phẩm Ch vào năm 2000. Kết hôn xong chị về làm ăn, chung sống cùng gia đình anh Ch được 1 tháng thì gia đình cho vợ chồng chị ra ăn riêng, vẫn ở trên phần đất của bố mẹ chồng (ông H3, bà N xây 1 nhà lá đắp đất). Đến năm 2007, vợ chồng chị xây nhà 3 gian cấp bốn, bếp, sân và trồng được 1 cây lộc vừng trước nhà. Tài sản ông H3- bà N để lại khoảng hơn 900m^2 tại tổ dân phố Hòa Bình, thị trấn Hoa Sơn. Đến năm 1997, ông H3 chết, không để lại di chúc. Năm 2012 bà N chết, trước khi chết bà N có chia tách đất cho các con, trong đó chia cho vợ chồng chị diện tích đất hiện nay mẹ con chị đang ở và chị cho các em của anh Ch gồm: chị H, chị H1, chị Đ và chia cho anh C phần diện tích đất ở thửa khác. Sau khi bà N chia đất thì các con ở đúng vị trí và diện tích mà bà N đã chia, nhưng chưa ai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, anh Ch chết, không để lại di chúc. Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H3, bà N theo pháp luật, chị đồng ý chia theo đúng vị trí và diện tích mà bà N đã chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Chị H, chị H1, chị Đ, anh C, anh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; chị M, chị Th, anh T

chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xác định ông Lục Phẩm H3 chết năm 1997 và bà Hà Thị N chết năm 2012, không để lại di chúc. Di sản của ông H3 và bà N để lại là thửa 121, tờ bản đồ số 61, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 695m^2 (diện tích đất thực tế là 1250.4m^2), loại đất vườn, tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V, được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1998, mang tên bà Hà Thị N.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H3, bà N gồm có: chị Lục Thị H, chị Lục Thị H1, chị Lục Thị Đ và anh Lục Văn T, chị Lục Thị Anh Th, chị Hà Thị M (hưởng thừa kế từ anh Lục Phẩm Ch).

Công nhận việc tự nguyện của chị Lục Thị Anh Th cho anh Lục Văn T và anh Lục Văn C cho các đồng thừa kế khác toàn bộ phần thừa kế được hưởng.

Chia cho chị Lục Thị H được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 186.8m^2 (đất vườn) tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V.

Chia cho chị Hà Thị M, anh Lục Văn T (chị M 1 phần, anh T 2 phần) được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 530.1m^2 (đất vườn), trên đất có các tài sản do vợ chồng anh Ch, chị M xây dựng gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 3 gian diện tích 57m^2; 01 gian bếp lợp bờ lô xi măng diện tích 21m^2; chuồng trại chăn nuôi không lợp mái; 50m^2 sân gạch đã cũ, hỏng và 01 số cây cối lâm lộc trên đất và 01 giếng nước tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho chị Lục Thị H1 được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 170.5m^2 (đất vườn), trên đất có 01 ngôi nhà dạng nhà ống, lợp mái tôn, 1 tầng do chị H1 xây vào năm 2020 tại .

Chia cho chị Lục Thị Đ được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 292.6m^2 (đất vườn), trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng,

lợp mái tôn; 29.64m tường rào, giếng nước của vợ chồng chị Đ- anh H2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V.

Ghi nhận việc để lại diện tích 70.4m^2 làm lối đi chung cho đương sự tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định đây là quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về chia di sản thừa kế*". Tài sản và nơi cư trú của bị đơn đều tại địa bàn huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là chị Lục Thị Anh Th, anh Lục Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Lục Phẩm H3 và bà Hà Thị N để lại theo pháp luật đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 695m^2 (đất vườn), sau khi trừ đi 250m^2 đã chuyển nhượng cho anh Hà Công Lâm vào năm 2011; diện tích thực tế sử dụng là 1250,4m^2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V, được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy CNQSD đất năm 08/7/1998, mang tên Hà Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 695m^2 (đất vườn), diện tích thực tế là 1250,4m^2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V, tuy được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy CNQSD đất năm 08/7/1998, mang tên Hà Thị N (cấp sau thời điểm ông Lục Phẩm H3 chết – năm 1997), nhưng thửa đất này các đương sự đều xác nhận là do vợ chồng ông H3, bà N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Lục Phẩm H3, bà Hà Thị N và là di sản thừa kế của ông H3, bà N.

Ông Lục Phẩm H3chết ngày 24/10/1997 và bà Hà Thị Nchết ngày 28/3/2012. Ông H3 và bà N có 5 người con chung, gồm: anh Lục Phẩm Ch (đã chết năm 2016, có vợ là Hà Thị M, con gái là Lục Thị Anh Th, con trai là Lục Văn T), chị Lục Thị H, chị Lục Thị H1, chị Lục Thị Đương, anh Lục Văn C. Ông H3, bà N chết không lập di chúc. Chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H3 và bà N theo pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản từ thời điểm mở thừa kế. Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông H3 là ngày 24/10/1997, thời điểm mở thừa kế đối với di sản của bà N là ngày 28/3/2012 nên yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hàng thừa kế theo pháp luật ông H3, bà N được xác định theo Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, gồm 5 người là: anh Lục Phẩm Ch, chị Lục Thị H, chị Lục Thị H1, chị Lục Thị Đ, anh Lục Văn C.

Anh Lục Phẩm Ch là con trai của ông H3 và bà N, đã chết năm 2016, có vợ là Hà Thị M, con gái là Lục Thị Anh Th, con trai là Lục Văn T. Nay do anh Ch đã chết, nên vợ và 02 người con của anh Ch được hưởng suất thừa kế của anh Ch theo Điều 613 Bộ luật dân sự.

Ông H3 và bà N không có nghĩa vụ để lại, nên những người được quyền thừa kế trên không phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Qua kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/12/2023, xác định thửa đất 121, tờ bản đồ số 61 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V có ranh giới, mốc giới rõ ràng, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, diện tích thực tế sử dụng là: 1250,4m^2 trị giá 400.000đ/1m^2, trên phần đất vợ, con của anh Ch đang sử dụng có 01 ngôi nhà cấp bốn 3 gian diện tích 57m^2; 01 gian bếp lợp bờ lô xi măng diện tích 21m^2; chuồng trại chăn nuôi không lợp mái; 50m^2 sân gạch đã cũ, hỏng (do vợ chồng anh Ch, chị M xây dựng), 01 giếng nước và 01 số cây cối lâm lộc trên đất (các đương sự không yêu cầu định giá cây cối lâm lộc trên đất).

Trên phần đất chị H1 đang sử dụng, có 01 ngôi nhà dạng nhà ống, lợp mái tôn, 1 tầng, xây vào năm 2020, diện tích 81.5m^2 (do chị H1 xây dựng).

Trên phần đất chị Đ đang sử dụng, có 01 ngôi nhà 3 tầng, lợp mái tôn vào năm 2019, diện tích 236m^2, 01 giếng nước và 29.64m tường rào (do vợ chồng chị Đ, anh H2 xây dựng).

Đối với phần diện tích tăng thêm (Theo giấy CNQSD đất diện tích thửa đất còn lại là 695m^2, diện tích thực tế là 1250.4m^2): Qua xác M tại địa pH thì phần diện tích tăng thêm là do sai số do đạc, đất sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch của địa pH, không có tranh chấp với các hộ liền kề nên cần xác định di sản thừa kế đối với diện tích đất là 1250.4m^2.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự quy định thì những người thừa kế cùng hàng của ông H3 và bà N được hưởng phần di sản bằng nhau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị giữ nguyên vị trí và diện tích sử dụng đất như hiện nay. Không yêu cầu ai phải thanh toán chênh lệch cho ai. Xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án chị Lục Thị Anh Th đồng ý nhận phần thừa kế mà mình được chia và cho anh Lục Văn T toàn bộ kỷ phần mà mình được chia, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Anh Lục Văn C từ chối nhận di sản thừa kế, tự nguyện để lại phần di sản mình được hưởng cho các đồng thừa kế khác. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đối với 1 giếng nước do ông H3, bà N để lại (hiện nay mẹ con chị M đang sử dụng), các đương sự không yêu cầu giải quyết, trường hợp chia vào phần của ai người đó hưởng, không yêu cầu phải thanh toán chênh lệch. Xét yêu cầu này là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét giao cho anh Ch (chị M, chị Th, anh T) sử dụng phần đất có nhà và các công trình do vợ chồng anh Ch xây dựng và 01 giếng nước; giao cho chị H sử dụng phần đất giáp phần đất của anh Ch, giao chị H1 sử dụng phần đất giáp phần đất của chị H và giao chị Đ sử dụng phần đất giáp phần đất của chị H1. Các bên không phải thanh toán giá trị đất chênh lệch cho nhau.

Đối với phần đất chia cho anh Ch nằm phía trong giáp đất của anh Lâm, ông Hải, ông Hường. Nếu trường hợp không để lại một phần di sản làm lối đi chung thì gia đình, vợ con anh Ch không có lối đi nào khác và thực tế hiện nay chị M, anh T và chị H1 cũng vẫn đang sử dụng phần đất đó làm lối đi chung. Hơn nữa, các đương sự cũng nhất trí chia di sản theo diện tích thực tế sử dụng. Do vậy, cần để lại 01 phần di sản thừa kế làm lối đi chung cho các đương sự.

Các đương sự không yêu cầu công sức tôn tạo, duy trì di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cây cối lâm lộc trên đất, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí đối với phần di sản mà mình được hưởng. Tuy nhiên, chị H thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên chị H được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H1, chị Đ, chị M, chị Th, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng.

Về chi phí định giá và xem xét tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá và xem xét tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 620, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xác định ông Lục Phẩm H3 chết năm 1997 và bà Hà Thị N chết năm 2012, không để lại di chúc. Di sản của ông H3 và bà N để lại là thửa 121, tờ bản đổ số 61, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 695m^2 (diện tích đất thực tế là 1250.4m^2), loại đất vườn, tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V, được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1998, mang tên bà Hà Thị N và 02 giếng nước.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H3, bà N gồm có: chị Lục Thị H, chị Lục Thị H1, chị Lục Thị Đ và anh Lục Văn T, chị Lục Thị Anh Th, chị Hà Thị M (hưởng thừa kế từ anh Lục Phẩm Ch).

Công nhận việc tự nguyện của chị Lục Thị Anh Th cho anh Lục Văn T và anh Lục Văn C cho các đồng thừa kế khác toàn bộ phần thừa kế được hưởng.

Chia cho chị Lục Thị H được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 186.8m^2 (đất vườn) trị giá 74.720.000đ. Thửa đất

được giới hạn bởi các điểm 11-12-13-14-19-18-11 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo)

Chia cho chị Hà Thị M, anh Lục Văn T (chị M 1 phần, anh T 2 phần) được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 530.1m^2 (đất vườn) trị giá 212.040.000đ. Thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1-2-19-14-15-16-1, trên đất có các tài sản do vợ chồng anh Ch, chị M xây dựng gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 3 gian diện tích 57m^2; 01 gian bếp lợp bờ lô xi măng diện tích 21m^2; chuồng trại chăn nuôi không lợp mái; 50m^2 sân gạch đã cũ, hỏng cùng toàn bộ cây cối lâm lộc trên đất và 01 giếng nước tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho chị Lục Thị H1 được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 170.5m^2 (đất vườn) trị giá 68.200.000đ. Thửa đất được giới hạn bởi các điểm 10-11-18-17-10, trên đất có 01 ngôi nhà dạng nhà ống, lợp mái tôn, 1 tầng do chị H1 xây vào năm 2020 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo)

Chia cho chị Lục Thị Đ được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 61, diện tích 292.6m^2 (đất vườn) trị giá 117.040.000đ. Thửa đất được giới hạn bởi các điểm 7-8-9-10-17-7, trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng, lợp mái tôn; 29.64m tường rào, 01 giếng nước của vợ chồng chị Đ- anh H2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo)

Công nhận việc để lại diện tích 70.4m^2 làm lối đi chung cho đương sự, phần lối đi chung được giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5-6-7-17-18-19-2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh V (Có sơ đồ kèm theo)

Đương sự được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013.

Về án phí: Chị Lục Thị H được miễn án phí đối với phần di sản được hưởng.

Chị Hà Thị M, anh Lục Văn T phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng (chị M 1 phần, anh T 2 phần) là 212.040.000đ x 5% = 10.602.000đ.

Chị Lục Thị H1 phải chịu án dân sự phân chia di sản thừa kế là 68.200.000đ x 5% = 3.410.000đ

Chị Lục Thị Đ phải chịu án dân sự phân chia di sản thừa kế là 117.040.000đ x 5% = 5.852.000đ

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS huyện Lập Thạch;*
- *UBND TT H ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga